

ỦY BAN THƯỜNG VỤ  
QUỐC HỘI  
Số: 46-NQ/UBTVQH9

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 1993

## NGHỊ QUYẾT

VỀ VIỆC BAN HÀNH QUY CHẾ PHỐI HỢP GIỮA BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP,  
CHÁNH ÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO VÀ BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG  
TRONG VIỆC QUẢN LÝ CÁC TÒA ÁN NHÂN DÂN ĐỊA PHƯƠNG, CÁC TÒA ÁN  
QUÂN SỰ QUÂN KHU VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG, CÁC TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC  
VỀ MẶT TỔ CHỨC

### ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

### NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

*Căn cứ vào Điều 91 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;  
Căn cứ vào Điều 16 Luật tổ chức Tòa án nhân dân và Điều 16 của Pháp lệnh tổ chức  
Tòa án quân sự;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Bộ  
trưởng Bộ Quốc phòng,*

### QUYẾT NGHỊ:

- Ban hành Quy chế phối hợp giữa Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trong việc quản lý các Tòa án nhân dân địa phương, các Tòa án quân sự quân khu và tương đương, các Tòa án quân sự khu vực về mặt tổ chức.
- Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.
- Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày thông qua. Những quy định trước đây trái với Quy chế này đều bãi bỏ.

Nghị quyết này đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 9 năm 1993.

|  |                                                                                       |
|--|---------------------------------------------------------------------------------------|
|  | <div>TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI</div> <div>CHỦ TỊCH</div> <div>Nông Đức Mạnh</div> |
|--|---------------------------------------------------------------------------------------|

QUY CHẾ

PHỐI HỢP GIỮA BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP, CHÁNH ÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO VÀ BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG TRONG VIỆC QUẢN LÝ CÁC TÒA ÁN NHÂN DÂN ĐỊA PHƯƠNG, CÁC TÒA ÁN QUÂN SỰ QUÂN KHU VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG, CÁC TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC VỀ MẶT TỔ CHỨC

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 46 NQ/UBTVQH9 ngày 29-9-1993)

Điều 1

Việc quản lý các Tòa án nhân dân địa phương về mặt tổ chức do Bộ trưởng Bộ Tư pháp đảm nhiệm có sự phối hợp chặt chẽ với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Việc quản lý các Tòa án quân sự quân khu và tương đương, các Tòa án quân sự khu vực về mặt tổ chức do Bộ trưởng Bộ Tư pháp đảm nhiệm có sự phối hợp chặt chẽ với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Điều 2

Sự phối hợp giữa Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trong việc quản lý các Tòa án nhân dân địa phương, các Tòa án quân sự quân khu và tương đương, các Tòa án quân sự khu vực về mặt tổ chức được thực hiện bằng các hình thức sau đây:

1. Ban hành văn bản chung do Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng cùng ký;
2. Thông báo bằng văn bản;
3. Trao đổi ý kiến bằng văn bản hoặc trực tiếp;
4. Phối hợp tổ chức kiểm tra công tác của các Tòa án nhân dân địa phương, Tòa án quân sự quân khu và tương đương, Tòa án quân sự khu vực.

### **Điều 3**

Bộ trưởng Bộ Tư pháp thống nhất ý kiến với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao trước khi:

1. Trình Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định số lượng Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân của các Tòa án nhân dân địa phương;
2. Trình Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mẫu trang phục, chế độ cấp phát và sử dụng trang phục, giấy chứng minh Thẩm phán;
3. Trình Chủ tịch nước bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Chánh án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;
4. Trình Chủ tịch nước miễn nhiệm Thẩm phán Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
5. Trình Chủ tịch nước bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;
6. Trình Chính phủ quyết định tổng biên chế, tổng kinh phí, lương và chế độ phụ cấp khác của các Tòa án nhân dân địa phương.

Trong trường hợp có ý kiến khác nhau về các vấn đề quy định tại Điều này, thì Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao trình ý kiến của mình để Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước hoặc Chính phủ xem xét, quyết định.

### **Điều 4**

Bộ trưởng Bộ Tư pháp trao đổi ý kiến với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao trước khi: